TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mai Trinh**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sử.
Ông Nguyễn Văn Trạng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa***: Ông Phan Thái Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:115/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, "Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định C vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1997.

Địa chỉ cư trú: Khóm P, phường Y, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Trần Chí B, sinh năm 1990. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ cư trú: khóm E, phường Q, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

Bà Trần Thị C, sinh năm 1966. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ cư trú: khóm E, phường Q, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày về hôn nhân của chị và anh B do mai mối, được hai bên gia đình thống nhất tổ

chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Y (nay là phường Y), thành phố T, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh B đi chơi, không quan tâm đến chị, thường xuyên đi sớm về muộn, chị đã nộp đơn xin ly hôn hai lần rồi rút đơn để cho anh B cơ hội nhưng anh B không sửa đổi. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí B. Về nuôi con chung: có một con chung tên Trần Cao K, sinh ngày 13/7/2018, hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Chí B Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh cố tình không đến Tòa cũng không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị A.

Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, 4 Điều 91 BLTTDS: Về hôn nhân: yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ A là có căn cứ; Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Trần Chí B có một người con chung tên Trần Cao K, sinh ngày 13/7/2018, hiện đang sống cùng chị A, chị A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Trần Chí B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mỹ A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Chí B có địa chỉ: khóm E, phường Q, thành phố T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét việc anh Trần Chí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh B vẫn không tham gia phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là hoàn toàn phù hợp.

[2] Xét về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ A yêu cầu ly hôn với anh Trần Chí B. Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xả Y (nay là phường Y), thành phố T, tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy yêu

cầu của chị A là có căn cứ để chấp nhận, vì từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử thì anh B mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ cũng không có bất kì tài liệu, chứng cứ nào để thể hiện ý kiến của mình, ý kiến phản đối yêu cầu của chị A. Điều đó thể hiện anh B không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng đối với chị A và cũng theo biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị C là mẹ anh B vào ngày 29/10/2021 trình bày chị A và anh B xảy ra mẫu thuẫn nguyên nhân do anh B thường xuyên đi chơi nên chị A ghen tuông nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống rồi hòa thuận lại về sống chung và đến tháng 6/2021 chị A giận bỏ đi cho đến nay, hơn nữa vào năm 2020 chị A đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh B sau đó vì nghĩ cho con còn nhỏ và để hai vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị đã rút đơn, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ và nay tiếp tục khởi kiện lại và từ tháng 5 năm 2021 đến nay chị A và anh B đã ly thân. Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị A và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không có cơ hội hàn gắn nên cho chị A ly hôn với anh B là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Trần Chí B có 01 đứa con chung tên Trần Cao K, sinh ngày 13/7/2018, hiện đang sống chung với chị. Chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Anh B không trình bày ý kiến về con chung nên hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị A đang nuôi dưỡng cháu Cao K và cháu Cao K còn nhỏ mới hơn ba tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, chị A được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Cao K, sinh ngày 13/7/2018. Anh B không phải cấp dưỡng cho con do chị A không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Mỹ A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Trần Chí B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố T phát biểu ý kiến về nội dụng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòan bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A. Cho chị Nguyễn Thị Mỹ A ly hôn với anh Trần Chí B.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ A. Chị Nguyễn Thị Mỹ A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Trần Cao K, sinh ngày 13/7/2018. Anh Trần Chí B không phải cấp dưỡng cho con do chị Nguyễn Thị Mỹ A không yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Mỹ A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Chí B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013449 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị A đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui đinh tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồng Ngự;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Mai Trinh